TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02139

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : KT nuôi thuỷ sản nước ngọt (206211) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	09117228	DANH AN	TOÀN	DH09CT				2,4	6,1	8.5	8	5
74	10117216	NGUYỄN THỊ KIM	TOÀN	DH10CT				2,4	6,3	8.7	8	7
~~75~~	~~09117203~~	~~NGUYỄN THỊ KIM~~	~~TRỌNG~~	~~DH09CT~~								
76	09117205	NGUYỄN NGỌC	TRUNG	DH09CT				2,0	5,6	7.6	7	6
77	09132021	NGUYỄN KHA MINH	TUẤN	DH09SP				2,2	4,9	7.1	7	1
78	09117211	NGUYỄN THANH	TÙNG	DH09CT				2,4	5,1	7.5	7	5
79	09117209	NGUYỄN HOÀNG	TUYỀN	DH09CT				3,0	4,7	7.7	7	7
80	09117215	LÊ THỊ	VI	DH09CT				2,0	5,4	7.4	7	4
81	09117218	LÊ PHÚ	VINH	DH09CT				2,2	5,4	7.6	7	6
82	09117220	LÊ QUANG	VÕ	DH09CT				1,8	6,1	7.9	7	9
83	09132023	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	DH09SP				2,2	5,1	7.3	7	3
84	09132076	HUỲNH THỊ NGỌC	YẾN	DH09SP				2,0	4,7	6.7	6	7
85	09117226	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	DH09CT				2,0	7,0	9.0	9	0

Số bài: 83 ; Số tờ: 83

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 5 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02139

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : KT nuôi thuỷ sản nước ngọt (206211) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	09117140	VÕ THỊ	PHƯỜNG	DH09CT				2,2	6,3	8.5	8	5
56	09117144	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	DH09CT				2,2	5,8	8.0	8	0
57	10117163	NGUYỄN THANH	SANG	DH10CT				1,8	4,9	6.7	6	7
58	10117170	TRẦN THỊ HỒNG	SƯƠNG	DH10CT				2,4	6,3	8.7	8	7
59	09117156	NGUYỄN QUANG	TÂN	DH09CT				2,2	6,1	8.3	8	3
60	09117158	NGUYỄN VĂN	TÂY	DH09CT				2,4	4,2	6.6	6	6
61	09132064	HOÀNG THỊ THIÊN	THANH	DH09SP				2,0	5,4	7.4	7	4
62	09117161	ĐẶNG MINH	THẢO	DH09CT				2,2	4,4	6.6	6	6
63	10117190	NGUYỄN CÔNG	THẮNG	DH10CT				2,0	5,1	7.1	7	1
~~64~~	~~09117167~~	~~NGUYỄN THỊ~~	~~THẮNG~~	~~DH09CT~~							0	0
65	10117194	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	DH10CT				1,8	4,2	6.0	6	0
66	09117174	TRẦN CÔNG	THỌ	DH09CT				2,4	6,8	9.2	9	2
67	09117179	PHAN THÀNH	THUẬN	DH09CT				2,0	5,1	7.1	7	1
68	10117206	ĐOÀN THỊ THU	THỦY	DH10CT				2,4	5,8	8.2	8	2
69	10117207	LÝ MINH	THỦY	DH10CT				2,6	4,2	6.8	6	8
70	09117180	PHẠM MINH	THUYẾT	DH09CT				2,0	3,5	5.5	5	5
71	10117210	NGUYỄN KHẮC	TI	DH10CT				2,4	4,4	6.8	6	8
72	09117184	NGUYỄN THỊ THẢO	TIÊN	DH09CT				2,0	4,4	6.4	6	4

Số bài:...83.....; Số tờ:..83.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Ông Nhóc Quý

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 5 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02139

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : KT nuôi thuỷ sản nước ngọt (206211) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09117091	NGUYỄN THẾ	LẠC	DH09CT				2,0	5,8	7.8	7	8
38	10117094	TRẦN THỊ MỘNG	LÀNH	DH10CT				2,2	5,8	8.0	8	0
39	09117092	LÊ THỊ NGỌC	LÊ	DH09CT				2,0	5,1	7.1	7	1
40	10117106	PHAN THỊ THÙY	LINH	DH10CT				2,2	5,1	7.3	7	3
41	09117097	NGUYỄN THÀNH	LONG	DH09CT				2,2	5,8	8.0	8	0
42	09117101	PHAN THỊ	MAI	DH09CT				2,4	5,4	7.8	7	8
43	09117103	LÊ THỊ	MẾN	DH09CT				2,4	6,1	8.5	8	5
44	09117105	PHÚN NHỤC	MÙI	DH09CT				1,8	5,4	7.2	7	2
45	10117131	TẠ KIM	NGÂN	DH10CT				2,4	6,3	8.7	8	7
46	09117111	THỔ THỊ THÚY	NGÂN	DH09CT				1,8	4,7	6.5	6	5
47	09117116	ĐOÀN MINH	NGUYÊN	DH09CT				2,0	6,3	8.3	8	3
48	09117117	ĐINH THỊ ÁNH	NGUYỆT	DH09CT				2,2	6,1	8.3	8	3
49	10117135	TRẦN THỊ BÍCH	NGUYỆT	DH10CT				2,0	6,1	8.1	8	1
50	09117118	TRẦN THỊ MINH	NGUYỆT	DH09CT				2,0	6,1	8.1	8	1
51	09132051	HUỲNH YẾN	NHI	DH09SP				2,2	5,6	7.8	7	8
52	10117148	LÊ THỊ KIỀU	NHƯ	DH10CT				1,6	6,3	7.9	7	9
53	09117125	TRẦN THỊ MỘNG	NHƯ	DH09CT				2,0	6,5	8.5	8	5
54	10117159	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH10CT				1,6	5,6	7.2	7	2

Số bài:...83.....; Số tờ:...83.....

•Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 5 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02139

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : KT nuôi thuỷ sản nước ngọt (206211) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09117033	NGUYỄN VĂN	ĐẢM	DH09CT				1,8	5,1	6.9	6	9
20	09117036	TRẦN THỊ	ĐỊNH	DH09CT				2,4	5,6	8.0	8	0
21	09117038	TRẦN VĂN	ĐƯỢC	DH09CT				2,0	5,6	7.6	7	6
22	10117045	NGUYỄN THỊ THẢO	EM	DH10CT				2,2	6,3	8.5	8	5
23	09132079	THẠCH THỊ TIỀN	GIANG	DH09SP				2,4	4,0	6.4	6	4
24	08132020	TRỊNH THỊ THU	HÀ	DH08SP				2,0	4,9	6.9	6	9
25	09117048	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	DH09CT				2,2	4,7	6.9	6	9
26	10117058	NGUYỄN TIẾN	HIỆP	DH10CT				2,2	4,2	6.4	6	4
27	09117053	HỒ TRUNG	HIẾU	DH09CT				2,0	5,8	7.8	7	8
28	09117054	TRƯƠNG MINH	HIẾU	DH09CT				2,0	5,1	7.1	7	1
29	09117061	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH09CT				2,6	5,1	7.7	7	7
30	09117066	ĐOÀN THỊ NHƯ	HOÀNG	DH09CT				2,0	4,9	6.9	6	9
31	09117067	NGUYỄN VŨ	HOÀNG	DH09CT				1,8	5,4	7.2	7	2
32	09117078	NGUYỄN XUÂN	HÙNG	DH09CT				2,0	4,9	6.9	6	9
33	09132038	TRẦN THỊ LAN	HƯƠNG	DH09SP				2,0	4,4	6.4	6	4
34	10117080	THÁI THỊ	HƯỜNG	DH10CT				1,0	5,6	6.6	6	6
35	10117083	NGUYỄN THANH	KHANH	DH10CT				2,4	4,2	6.6	6	6
36	09117083	NGUYỄN THỊ MAI	KHANH	DH09CT				1,8	5,1	6.9	6	9

Số bài: 33 ; Số tờ: 83

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 5 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02139

19/6/12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : KT nuôi thuỷ sản nước ngọt (206211) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09117004	HUỲNH LÊ NGỌC TRÂM	ANH	DH09CT				2,0	3,7	5,7	5	7
2	08132003	PHẠM THỊ LAN	ANH	DH08SP				2,0	3,7	5,7	5	7
3	09117006	DƯƠNG BÙI LINH	ÂN	DH09CT				2,6	6,1	8,7	8	7
4	09117008	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	DH09CT				2,4	4,7	7,1	7	1
5	10117007	NGUYỄN THANH	BÌNH	DH10CT				2,0	5,8	7,8	7	8
6	10132001	NGUYỄN THỊ KIM	CHÂU	DH10SP				2,0	5,6	7,6	7	6
7	10117014	NGUYỄN THỊ LAN	CHI	DH10CT				2,6	6,1	8,7	8	7
8	09117011	NGUYỄN TRƯỜNG	CHINH	DH09CT				2,2	4,2	6,4	6	4
9	09117013	VÕ THÀNH MINH	CHÍNH	DH09CT				2,0	4,0	6,0	6	0
10	10132028	ĐINH THỊ	CÚC	DH10SP				2,0	5,8	7,8	7	8
11	10117020	TRẦN THỊ	CÚC	DH10CT				2,6	4,9	7,5	7	5
12	09117020	NGUYỄN THỊ	DIỄM	DH09CT				2,2	4,0	6,2	6	2
13	09117023	NGUYỄN THỊ	DIỆN	DH09CT				2,6	6,3	8,9	8	9
14	09117024	TRẦN THỊ	DIỆU	DH09CT				2,2	5,8	8,0	8	0
15	09132024	HUỲNH THỊ KIM	DUNG	DH09SP				2,0	4,7	6,7	6	7
16	08132012	TRƯƠNG MỸ	DUNG	DH08SP				1,6	5,1	6,7	6	7
17	08141075	VÕ ĐỨC	DŨNG	DH08NY				1,4	5,4	6,8	6	8
18	08132014	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	DH08SP				1,2	4,7	5,9	5	9

Số bài: 83 ; Số tờ: 83

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 28 tháng 5 năm 2012